

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST
Ngày 18 tháng 3 năm 2025
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và Gia
đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Len và bà Vũ Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Mạnh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 136/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2025/QĐXX-ST ngày 19 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2025/QĐST - HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn số 20/2025/QĐST - HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1992

Nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ: 1 M, H, S, O, Nhật Bản

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hữu T, căn cước công dân số 042202011055 và ông Vũ Trọng B, căn cước công dân số 034201006761. Đều ở địa chỉ: Số C, Đ, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn P, sinh năm 1984

Nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

(Chị C vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh P vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 26 tháng 9 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị C trình bày và có yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn P kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình ngày 11/02/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng về quan điểm sống, trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã khiến cuộc sống hôn nhân nặng nề. Quá trình xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn và cho nhau cơ hội giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng lên đến đỉnh điểm vào tháng 9/2023 nên vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Phạm Văn P.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Phạm Thùy L sinh năm 11/11/2010 và Phạm Trọng Q, sinh ngày 30/10/2012. Ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cả hai con, trường hợp Tòa án giao cho mỗi người nuôi một con chị cũng đồng ý. Hiện nay chị đang lao động tại Nhật Bản nên chị đồng ý giao con cho chồng trực tiếp chăm sóc trong thời gian chị lao động tại nước ngoài. Trong thời gian chồng nuôi hai con, chị tự nguyện cấp dưỡng cho con 3.000.000 đồng/2 con/1 tháng cho đến khi chị trở về nước.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Phạm Văn P trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị C kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì chị C đi lao động tại Nhật Bản, sau khi chị C đi, vợ chồng vẫn không có mâu thuẫn gì, việc chị C xin ly hôn cả hai bên gia đình và bản thân anh đều không biết cho đến khi Tòa án thông báo. Anh xác định vẫn còn tình cảm với chị C nhưng nay chị C xin ly hôn, anh cũng đồng ý ly hôn với chị C.

Về con chung: Anh và chị C có hai con chung như chị C trình bày. Hai con hiện nay ở cùng bà nội do hai vợ chồng anh đều đi làm ăn xa thường xuyên, hiện tại anh đang làm thuê tại tỉnh Bình Phước, còn chị C thì lao động tại Nhật Bản. Do anh mới bị tai nạn nên suy giảm sức lao động, công việc không ổn định,

không có khả năng nuôi con nên khi ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cả hai con cho chị C nuôi dưỡng, anh yêu cầu chị C phải trực tiếp nuôi dưỡng con chung không giao con cho ai khác.

Về tài sản: Anh và chị C không có tài sản gì chung nhưng có khoản vay nợ chung của anh chị em trong nhà là 46.000.000 đồng, khi vay không có giấy tờ, chị C còn cầm 01 lắc tay 03 chỉ vàng 9999 của anh, nay ly hôn anh yêu cầu chia đôi số nợ, mỗi người trả một nửa.

* Xác minh tại chính quyền địa phương, trưởng thôn P cung cấp: Anh P và chị C có hộ khẩu thường trú tại địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống tại địa phương nhưng anh P thường xuyên đi làm ăn xa chỉ có chị C thường xuyên ở địa phương. Khoảng 5 năm nay, chị C đi lao động xuất khẩu tại Nhật Bản. Việc anh chị mâu thuẫn như thế nào gia đình không thông báo nên địa phương không rõ. Về con chung, anh chị có hai con chung như anh chị trình bày là đúng. Hiện nay hai con chung đang ở với bà nội là Nguyễn Thị H tại địa phương. Anh chị có tài sản chung hay nợ chung không thì địa phương không nắm được. Nay chị C xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Xác minh tại gia đình, bà Nguyễn Thị H là mẹ anh P trình bày: anh P và chị C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình ngày 11/02/2010. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2019 thì chị C đi lao động tại Nhật Bản, việc anh chị mâu thuẫn chỉ là mâu thuẫn nhỏ, còn nguyên nhân dẫn đến ly hôn thế nào bà không rõ. Bản thân bà cũng nhiều lần hòa giải cho hai con nhưng từ hai năm nay, chị C khi về nước đều không về nhà ở. Anh chị có hai con chung như chị C trình bày, hiện các cháu ở cùng bà vì anh P cũng đi làm ăn xa. Nếu anh chị ly hôn, đề nghị Tòa án giao hai con cho chị C nuôi dưỡng vì anh P bị tai nạn hai năm nay không có điều kiện kinh tế nuôi con. Về tài sản chung của anh chị có một nhà xây trên đất của bà, bà được biết vợ chồng có nợ anh em trong nhà, tuy nhiên số tiền bao nhiêu bà không rõ. Nay chị C xin ly hôn anh P, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh chị.

* Anh Nguyễn Văn H1 là anh trai chị C trình bày: Anh P chị C kết hôn tự nguyện như anh chị đã trình bày. Do hai bên bất đồng quan điểm dẫn đến ly hôn. Trường hợp chị C và anh P ly hôn, nếu Tòa án giải quyết cho chị C nuôi cả hai con chung hay nuôi một con chung, anh cũng đều tự nguyện thay chị C chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu cho đến khi chị C về nước.

* Nguyện vọng của hai con chung là cháu Phạm Thùy L và Phạm Trọng Q đều muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm Phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đều tuân thủ theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị C ly hôn với anh Phạm Văn P, giao hai con chung cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra giải quyết về tài sản chung vợ chồng. Chị Nguyễn Thị C phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị C và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn là anh Phạm Văn P vắng mặt không rõ lí do, căn cứ khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn sinh sống và làm việc tại nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình theo khoản 3 Điều 35 và Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Chị C và anh P kết hôn tự nguyện, khi kết hôn không vi phạm điều kiện cấm kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình ngày 11/02/2010, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hai bên đã tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Hiện nay chị C và anh P không cùng chung sống mà mỗi người ở một nơi. Do xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị C xin ly hôn anh phượng, anh P cũng đồng ý. Xét mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị C và anh Phạm Văn P là có thật, khó có thể hàn gắn, đời sống chung trên thực tế không còn tồn tại, nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị C, xử cho chị Nguyễn Thị C ly hôn với anh Phạm Văn P.

[3.2] Về con chung: Anh Phạm Văn P và chị Nguyễn Thị C có hai con chung là Phạm Thùy L sinh ngày 11/11/2010 và Phạm Trọng Q, sinh ngày 30/10/2012, cả hai con đang ở cùng bà nội. Ly hôn chị C có nguyện vọng được

nuôi cả hai con, không yêu cầu anh P cấp dưỡng cho con, anh P và gia đình anh P đều đề nghị giao cả hai con cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, bản thân hai con chung cũng có nguyện vọng ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn, mặt khác hiện tại cả hai con cũng không được bố trực tiếp chăm sóc mà ở cùng bà nội nên chấp nhận nguyện vọng của chị C để chị trực tiếp nuôi cả hai con có sự hỗ trợ của gia đình chị C là phù hợp với điều kiện thực tế của anh chị và cũng là phù hợp với nguyện vọng của các con chung.

[3.3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị C không yêu cầu giải quyết, anh P có yêu cầu chia khoản nợ chung vợ chồng, Tòa án đã yêu cầu anh P cung cấp thông tin cụ thể của các khoản vay, tên tuổi, địa chỉ của người cho vay, giải thích nghĩa vụ cung cấp tài liệu chứng cứ, nghĩa vụ nộp tạm ứng án phí cho anh, hết thời hạn yêu cầu, anh P vẫn không cung cấp được cho Tòa án tên tuổi, địa chỉ của người cho vay nợ, số tiền vay cụ thể, yêu cầu của anh về tài sản chung vợ chồng nên Tòa án không có căn cứ để giải quyết. Anh P được quyền khởi kiện chia tài sản chung vợ chồng bằng vụ án khác khi cần.

[4] Chị Nguyễn Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Phạm Văn P.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Phạm Thùy L sinh ngày 11/11/2010 và Phạm Trọng Q, sinh ngày 30/10/2012, cho chị Phạm Thị C1 trực tiếp nuôi dưỡng, anh Phạm Văn P không phải cấp dưỡng cho con. Anh P có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được ở với người trực tiếp nuôi dưỡng, có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh C1, chị P có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng cho khi cần.

3. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ

thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị C đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000289 ngày 09 tháng 10 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình, sang thi hành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ hay niêm yết, anh Phạm Văn P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ hay niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- UBND xã Thái Phúc (Số ĐK: 69 ngày 11/02/2009 ;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hiền